



ANH XUÂN TRƯỜNG

ỨNG DỤNG BASEL III VÀO QUẢN TRỊ RỦI RO NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM GỢI MỞ HƯỚNG ĐI CHO TƯƠNG LAI

TS. ĐẶNG VĂN DÂN

Hoàn tất lộ trình thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) ở Việt Nam giai đoạn 2011- 2015, hệ thống ngân hàng đã không chỉ vượt qua thời điểm khó khăn nhất, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ hệ thống mà còn đáng được ghi nhận với những kết quả khích lệ về tăng trưởng vốn, tổng tài sản và cả hiệu quả kinh doanh. Đi kèm với sự lớn mạnh này, vấn đề về quản trị rủi ro (QTRR) ngân hàng luôn được đề cao và thu hút nhiều mối quan tâm, trước hết là công tác tổ chức thực hiện của bản thân các ngân hàng đã được đặt lên hàng đầu, bên cạnh đó các cơ quan quản lý Nhà nước liên tục đưa ra hướng dẫn và giám sát chặt chẽ quá trình QTRR này của toàn hệ thống. Điều này là dễ hiểu khi những người trong cuộc hoàn toàn ý thức được tầm quan trọng của QTRR trong một ngành kinh doanh đặc thù khi mà chỉ cần có bất kỳ sự bất ổn nào cũng

ảnh hưởng không nhỏ đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế đất nước. Với vai trò dẫn dắt của mình, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có những quy định yêu cầu các ngân hàng thương mại (NHTM) phải nâng cao năng lực QTRR, đặc biệt là ứng dụng các chuẩn mực quốc tế để hệ thống ngân hàng mạnh hơn, hoạt động bền vững, hiệu quả hơn.

Thực tế cho thấy, ở Việt Nam hiện tại đã có 10 NHTM được chọn thí điểm Basel II và đến năm 2018, cả 10 ngân hàng sẽ hoàn thành việc thí điểm này, sau đó dự kiến sẽ mở rộng áp dụng với các NHTM khác trong nước. Trong bối cảnh hệ thống ngân hàng ở nhiều nước trên thế giới đã áp dụng phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel mới nhất là Basel III, có thể thấy đối với một nước có hệ thống ngân hàng đang ở giai đoạn phát triển như Việt Nam, việc áp dụng Basel III gặp

không ít khó khăn, thách thức và cần thời gian để tiếp cận. Tuy nhiên, trước xu thế hội nhập và mở cửa thị trường tài chính – ngân hàng với nhiều loại hình dịch vụ mới, việc từng bước áp dụng các chuẩn mực Basel III tại Việt Nam là yêu cầu cấp thiết nhằm tăng cường năng lực hoạt động, giảm thiểu rủi ro đối với các NHTM và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường tài chính quốc tế, hơn nữa bản thân Basel II khi được các nước triển khai trước đây vẫn cho thấy bộ tiêu chuẩn này chưa đủ sức bảo vệ hệ thống ngân hàng thoát khỏi những thiệt hại nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Việc nghiên cứu về Basel III và hướng vận hành bộ tiêu chuẩn này tại Việt Nam rõ ràng là vấn đề cần được các chuyên gia quan tâm và tập trung khai thác.

Cơ sở lý luận về Basel III

Cuộc khủng hoảng bắt nguồn từ tài

chính và sau đó lan rộng sang kinh tế toàn cầu năm 2008 đã cho thấy những thiếu sót trong các quy định liên quan đến hoạt động ngân hàng. Trước những diễn biến phức tạp của khủng hoảng tài chính toàn cầu và hệ lụy lâu dài của chúng đối với hệ thống tài chính - ngân hàng trên toàn thế giới, Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision - BCBS) đã một lần nữa dự thảo và thông qua phiên bản thứ 3 của hiệp ước Basel, tức Basel III về các tiêu chuẩn QTRR ngân hàng và đây được xem là nền tảng để thiết lập trật tự thế giới tài chính mới.

Mục tiêu chính của Basel III là nhằm vào việc cải thiện năng lực của ngành ngân hàng để tăng khả năng chống đỡ trước những cú sốc phát sinh từ sự căng thẳng tài chính và kinh tế, bất kể nguồn gốc, và từ đó giảm nguy cơ khủng hoảng từ khu vực tài

chính cho các nền kinh tế như đã từng diễn ra.

Basel III trên cơ sở vẫn duy trì 3 trụ cột chính trong nội dung như với Basel II, nhưng về chi tiết đã đề ra nhiều tiêu chuẩn mới nghiêm ngặt hơn, như các tiêu chuẩn về vốn và vùng đệm vốn mới sẽ đòi hỏi các ngân hàng phải giữ vốn nhiều hơn và chất lượng vốn cao hơn so với quy định của Basel II; yêu cầu về vốn tối thiểu sẽ cao hơn thông qua quy định về đòn bẩy và tỷ lệ tính thanh khoản mới, nhằm đảm bảo duy trì hoạt động cho cơ sở tài chính trong trường hợp xảy ra cú sốc tài chính... Các tiêu chuẩn của Basel III bắt đầu có hiệu lực từ năm 2013, được thực hiện theo một lộ trình đến hết năm 2018 và sẽ thực hiện đầy đủ vào ngày 01/01/2019. Lộ trình cụ thể của Basel III được thể hiện qua bảng sau:

Nội dung Basel III được đánh giá là có nhiều ưu điểm, như về cơ bản đã

khắc phục được một số nhược điểm của Basel II; duy trì lượng tài sản có tính thanh khoản cao, duy trì việc tài trợ cho tín dụng trung và dài hạn của các ngân hàng; đảm bảo nguồn vốn mạnh và đủ khả năng gánh vác cho ngân hàng khi phải đối mặt với khủng hoảng; nâng cao năng lực đối phó của ngân hàng với vấn đề nợ xấu. Tuy nhiên, vẫn còn có những mặt bị cho là hạn chế khi triển khai Basel III, khi mà đại bộ phận chuẩn mực nhắm tới hệ thống ngân hàng ở các nền kinh tế phát triển nhưng bỏ qua những nhân tố quan trọng đến từ thị trường mới nổi. Việc nâng quy mô an toàn vốn và chất lượng vốn gây khó khăn cho các ngân hàng ở thị trường mới nổi khi có thể làm giảm sút tốc độ tăng trưởng của các ngân hàng tại đây do tập trung vốn vào dự phòng chống đỡ rủi ro, không khớp với mục tiêu đẩy mạnh sử dụng vốn đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế đang phát triển.

Những lợi ích thiết thực khi ứng dụng Basel III cho các ngân hàng Việt Nam

Việc áp dụng chuẩn mực Basel III trong QTRR ngân hàng cần được xem là một mục tiêu quan trọng mà hệ thống NHTM Việt Nam phải hướng tới trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh khi mà nền kinh tế trong nước đang trong giai đoạn hội nhập và hoà mình mạnh mẽ nhất với quốc tế như hiện nay. Các lý do sau sẽ giúp khẳng định thêm ý nghĩa mà Basel III mang lại:

Thứ nhất, việc áp dụng các chuẩn mực của Basel III - chuẩn mực quốc tế về QTRR hiện đại nhất, được nghiên cứu, công nhận và áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới - sẽ giúp gia cố vững chắc niềm tin của khách hàng, đặc biệt là những người cung vốn cho ngân hàng. Đây được xem là yếu tố mang tính nền tảng, kinh điển bởi tiền gửi và niềm tin từ công chúng chính là động lực tồn tại của ngân hàng, giúp ngân hàng bám trụ và phát triển bền vững qua thời gian.

Thứ hai, tính ổn định, hiệu quả của hệ thống NHTM sẽ được nâng cao và

Bảng: Lộ trình cụ thể của việc thực thi chuẩn mực Basel III

(Đơn vị tính: %)

Nguồn: <http://www.basel-iii-accord.com/>

Chỉ tiêu	Năm						
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu	3,5	4,0	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5
Vốn đệm dự phòng				0,625	1,25	1,875	2,5
Vốn chủ sở hữu tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng	3,5	4,0	4,5	5,125	5,76	6,375	7,0
Loại trừ khỏi vốn chủ sở hữu các khoản vốn không đủ tiêu chuẩn		20,0	40,0	60,0	80,0	100,0	100,0
Tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu	4,5	5,5	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
Tỷ lệ tổng vốn tối thiểu	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
Tổng vốn tối thiểu cộng vốn đệm dự phòng bắt buộc	8,0	8,0	8,0	8,625	9,125	9,875	10,5
Loại trừ khỏi vốn cấp 1 và cấp 2 các khoản không đủ tiêu chuẩn	Thực hiện với lộ trình 10 năm bắt đầu từ năm 2013						
Vốn dự phòng chống hiệu ứng chu kỳ	Tuỳ theo điều kiện mỗi quốc gia: mức từ 0% - 2,5%						

những hoạt động kinh doanh ngân hàng có nhiều sắc thái rủi ro cũng sẽ bị hạn chế đáng kể khi các chuẩn mực vốn của Basel III được thực thi. Điều này gắn liền với việc các cơ quan quản lý sẽ liên tục xem xét và đánh giá vốn an toàn của các ngân hàng cũng như kế hoạch triển khai và tuân thủ của họ đối với quy định về tỷ lệ vốn tối thiểu, để từ đó sớm can thiệp nhằm ngăn chặn vốn của ngân hàng tụt xuống thấp hơn mức yêu cầu. Qua đây, các nhà điều tiết góp phần đảm bảo an toàn tính thanh khoản của ngân hàng, từ đó đảm bảo an toàn cho hoạt động của toàn hệ thống.

Thứ ba, tiềm lực tài chính của hệ thống ngân hàng sẽ được nâng lên đáng kể với những khoản mục liên quan đến hệ số vốn khi áp dụng Basel III. Để án tái cơ cấu các TCTD giai đoạn 2011 - 2015 đã đặt mục tiêu có được 1-2 ngân hàng trong hệ thống mang tầm vóc của khu vực và vươn ra thế giới. Khi quy mô ngân hàng quá nhỏ, thì rất dễ bị thâu tóm và biến thành một đơn vị huy động vốn cho họ, hay bị đè bẹp bởi đối thủ cạnh tranh ngoài nước đang ngày một nhiều và mạnh. Việc thực hiện chuẩn mực vốn mới, sẽ làm gia tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn và qua đó, tình trạng ngân hàng bị chi phối bởi một số cá nhân, đơn vị sẽ không còn và sức chống đỡ cũng như khả năng cạnh tranh của ngân hàng sẽ được nâng lên. Mặt khác, với một mức vốn đáng kể và dần trải thì hành động của chủ sở hữu ngân hàng sẽ được cân nhắc rất kỹ và thể hiện trách nhiệm cao hơn để bảo vệ tài sản của mình.

Thứ tư, chuẩn mực Basel III góp phần khuyến khích tính chủ động, khả năng giám sát và minh bạch thông tin của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Cụ thể, khi triển khai chuẩn mực, chính các NHTM phải có trách nhiệm gia tăng tính minh bạch trong các báo cáo của mình, cho công chúng rõ hơn về tình hình kinh doanh hiện tại và những rủi ro mà ngân hàng đang phải đối mặt, cùng

với đó là cả cách thức quản trị, mức độ vốn dự phòng và giải pháp đối phó của mình với các rủi ro này. Chính điều này sẽ thiết lập cơ chế chủ động công khai, minh bạch thông tin của các ngân hàng, gia tăng tính an toàn, bình đẳng và hiệu quả cho toàn hệ thống.

Những khó khăn khi áp dụng Basel III tại Việt Nam

Có thể thấy các ngân hàng Việt Nam đang từng bước hoàn thiện hệ thống QTRR nhằm tiếp cận yêu cầu quốc tế, đảm bảo tối đa độ an toàn và tính cạnh tranh trong hoạt động. Cơ quan quản lý Nhà nước cũng tạo dựng nên một khuôn khổ pháp lý về thanh tra, giám sát với nội dung đảm bảo bao quát được sự phát triển của hệ thống ngân hàng và đáp ứng các chuẩn mực chung toàn cầu. Tuy nhiên, với những nền tảng như thế, việc tiếp cận và thực hiện của chuẩn mực của hiệp ước Basel III tại Việt Nam vẫn còn những hạn chế và khó khăn như sau:

Sự khác biệt trong cách ghi nhận của chuẩn mực kế toán

Tất cả các ngân hàng Việt Nam tính đến 31/12/2015 đều đảm bảo duy trì hệ số an toàn vốn (Capital Adequacy Ratio - CAR) trên mức 8% (đây là mức giới hạn đặt ra từ chuẩn mực Basel III, về đến Việt Nam nó được "thực tế hoá" thành 9%). Tuy nhiên có thể thấy đây chỉ là hệ số được tính toán dựa trên Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), thực tế có khác biệt khá lớn với chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS) và từ đó, nếu đánh giá lại hệ số CAR tại Việt Nam theo IFRS thì sẽ có một sự sai lệch khá xa mà có thể làm cho mức 8% không được đảm bảo.

Chú trọng vào rủi ro tín dụng mà ít đề cập đến các rủi ro khác

Vấn đề này có thể được dẫn chứng ngay trong chính các văn bản quy định của NHNN hầu như mới chỉ tập trung vào công tác QTRR tín dụng, chưa dành nhiều quan tâm cho rủi ro khác như rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động. Về phần mình, các NHTM cũng đã xây dựng và thiết lập bộ máy chuyên trách

quản lý rủi ro, nhưng chỉ dừng lại QTRR tín dụng, rủi ro thanh khoản... là chủ yếu khi nguồn nhân - vật lực của ngân hàng được ban quản trị hướng vào mảng rủi ro này.

Chi phí đòi hỏi khi thực thi Basel III quá cao so với quy mô ngân hàng

Một trong những khó khăn lớn nhất tác động đến việc áp dụng Basel III vào hệ thống giám sát và QTRR của các NHTM Việt Nam đó chính là chi phí vận hành theo toàn bộ chuẩn mực do Ủy ban Basel đưa ra quá lớn. Theo ước tính từ các chuyên gia, các NHTM thuộc nhóm quy mô nhỏ ở Việt Nam phải tốn xấp xỉ 10 triệu USD, còn nhóm ngân hàng cỡ lớn thì chi phí vận hành hệ thống Basel này có thể lên đến 200 triệu USD, những con số quá lớn nếu thực hiện phép so sánh với mức vốn chủ sở hữu hiện có hay mức vốn pháp định dành cho NHTM theo quy định của NHNN trong Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-NHNN ngày 25/11/2013 - Nghị định về ban hành danh mục mức vốn pháp định đối với TCTD tại Việt Nam, khi mà với 3.000 tỷ đồng sẽ được quyền mở ngân hàng.

Công tác hỗ trợ thông tin thị trường còn nhiều vấn đề cần phải hoàn thiện

Hệ thống thông tin trên thị trường tiền tệ, thị trường vốn là hết sức quan trọng nếu một hệ thống ngân hàng muốn vận hành các chuẩn mực của Basel. Nổi bật trong khía cạnh này phải kể đến thị trường chứng khoán Việt Nam, từ khi ra đời và cho đến nay đã bước vào năm phát triển thứ 16, số lượng hàng hóa trên thị trường dù đã tăng lên đáng kể so với thời kỳ đầu nhưng nhìn chung vẫn còn giới hạn ở mức rất khiêm tốn. Còn thị trường chứng khoán phái sinh, vốn được đánh giá là cực kỳ hữu hiệu về mặt thông tin, thì ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phôi thai và dự kiến cuối năm 2016 mới được đưa vào vận hành chính thức. Từ đó có thể thấy, rất khó cho các ngân hàng có thể trông đợi sự hỗ trợ thông tin xử lý từ thị trường để cân nhắc khi QTRR cho mình. Ngoài ra, cần phải

công nhận một thực tế là Việt Nam thiếu những tổ chức xếp hạng tín nhiệm chuyên nghiệp, khi mà ngoài Trung tâm Thông tin Tín dụng quốc gia (CIC) và gần đây là Công ty CP Thông tin Tín dụng Việt Nam (PCB), hầu như không còn tổ chức nào có khả năng đứng ra thu thập và cung cấp thông tin ở mảng cực kỳ quan trọng này, từ đó lại ghi nhận thêm một cản trở lớn khi tiếp cận các chuẩn mực mới từ Basel III.

Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao

Sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao là một khó khăn cố hữu tại Việt Nam, lần này nằm ở việc xem xét ứng dụng hiệp ước Basel III vào công tác QTRR tại các NHTM. Đây là vấn đề chung đối với không chỉ tất cả các NHTM mà còn đối với cả cơ quan quản lý như NHNN. Để nắm vững và vận dụng được các chuẩn mực của Basel III đòi hỏi các nhà giám sát ngân hàng, các nhà điều hành, hay cả nhân viên phụ trách phải có một tầm hiểu biết vững, cả về ngoại ngữ lẫn kiến thức toán học và kiến thức quản trị. Ngoài ra, các kỹ năng phân tích, dự báo cũng là kỹ năng không thể thiếu. Đây có thể nói là những yêu cầu cao đối với các chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam thời điểm này, khi đảm bảo yêu cầu về lượng thì vấn đề về chất lại

bị hoài nghi.

Hướng đi cho Việt Nam trong tương lai khi áp dụng Basel III

Vào thời điểm hiện tại, rất nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã lựa chọn một lộ trình triển khai Basel III cho hệ thống NHTM của mình trên cơ sở xem xét toàn diện các yếu tố nội lực liên quan. Lộ trình xây dựng này phải được nghiên cứu cân trọng và đảm bảo tính phù hợp cao nhất, bởi nếu lựa chọn một phương pháp quá hiện đại trong khi những yếu tố thuộc về nền tảng cơ sở chưa đủ đáp ứng sẽ tạo ra một hiệu ứng ngược, làm phát sinh thêm rủi ro mới cho cả hệ thống NHTM. Trong điều kiện của Việt Nam hiện nay, các chuẩn mực trong Basel III là phần bổ sung cho Basel II mà NHNN đang triển khai thí điểm tại 10 NHTM từ 2013 - 2018, do đó cần nghiên cứu áp dụng có chọn lọc và nâng cao một số nội dung của Basel III phù hợp với thực tiễn của Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện bộ chuẩn mực quốc tế này, ví dụ: tiêu chuẩn về vốn tự có, về QTRR tín dụng, rủi ro thanh khoản, hay công tác hoàn thiện năng lực giám sát của NHNN Việt Nam. Để có thể đưa Basel III vào áp dụng tại Việt Nam, thiết nghĩ, một số vấn đề sau nên được

Về phía cơ quan quản lý

Thứ nhất, thiết kế một lộ trình áp dụng Basel III cụ thể. NHNN là cơ quan chuyên trách trong việc giám sát, điều tiết hoạt động của hệ thống ngân hàng và chính vì thế, NHNN sẽ đứng ra xây dựng một lộ trình chi tiết với các điều khoản của Basel III làm cơ sở định hướng, dẫn dắt hành động cho toàn hệ thống ngân hàng. Lộ trình này phải thể hiện được tinh thần cơ bản nhất của Basel III, xác định mốc thời gian cụ thể (có thể là vào năm 2019, khi mà giai đoạn triển khai Basel II kết thúc) cho việc đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn như tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu, tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu... NHNN cần phải yêu cầu các NHTM trích lập vốn đệm dự phòng rủi ro tài chính, tức dự trù khả năng ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính quy mô lớn, thông qua việc ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về loại vốn đệm này với quy định áp dụng cho từng nhóm ngân hàng. Qua đây cũng cần lưu ý đến sự khác biệt giữa chuẩn mực kế toán VAS và IFRS, từ đó mà các tỷ lệ an toàn vốn ở các NHTM Việt Nam có một sự sai lệch khá xa nếu được chuẩn hoá theo quốc tế và chính vì vậy, nếu không muốn “chỉnh” chuẩn mực VAS thì các tỷ lệ giới hạn về vốn này cần được điều chỉnh sao cho linh hoạt và hợp lý nhất, bao quát được hết sự sai biệt trong cách ghi nhận.

Thứ hai, phát triển các thị trường trong mảng tài chính nhằm san sẻ trọng trách cho hệ thống ngân hàng. Với những đặc thù của thị trường tài chính và hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam, hệ thống ngân hàng từ trước đến nay vẫn là kênh cung cấp vốn trung và dài hạn chủ yếu cho nền kinh tế. Do đó, phải phát triển thị trường tài chính theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh về cấu trúc, gồm có thị trường cổ phiếu, thị trường trái phiếu, thị trường các công cụ tài chính bậc cao như phái sinh, chứng khoán hoá... để theo kịp với xu hướng và tăng khả năng liên kết với các thị trường khu vực và quốc tế. Trong đó, phải đảm bảo các vấn đề về phát triển quy mô, nâng cao chất lượng



ANH ĐĂNG TUYẾN

Việc áp dụng chuẩn mực Basel III trong QTRR ngân hàng cần được xem là một mục tiêu quan trọng mà hệ thống NHTM Việt Nam phải hướng tới trong tương lai

và đa dạng hóa các loại hàng hoá trên mỗi thị trường; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nâng cao năng lực, hiệu quả giám sát của Nhà nước và chặt chẽ hơn trong khâu phát hiện, xử lý sai phạm; chủ động mở cửa, giao lưu với khu vực và quốc tế phù hợp với lộ trình hội nhập đã cam kết.

Thứ ba, kiểm soát chặt chẽ việc tăng vốn mới và sử dụng vốn của các NHTM. Các điều khoản của Basel III đã làm nổi bật lên vai trò đảm bảo an toàn của vốn trong hoạt động ngân hàng. Do đó, khi thực hiện phê duyệt các phương án tăng vốn của các NHTM trong hệ thống, NHNN cần xem xét những chỉ tiêu quan trọng như tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn, tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản có... nhằm đảm bảo đủ năng lực của ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành, thực thi hoạt động trong điều kiện quy mô hoạt động tăng lên. Bên cạnh đó, NHNN cũng nên tăng cường khâu kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tự có tăng thêm của các NHTM sao cho đồng vốn được sử dụng hiệu quả, an toàn, góp phần vào việc thể hiện được giá trị của phần vốn tự có được tăng thêm đó.

Về phía các ngân hàng thương mại

Thứ nhất, nâng cao hệ số an toàn vốn CAR. Theo chuẩn mực của Basel, một hệ thống ngân hàng an toàn khi từng thành viên của nó có hệ số an toàn vốn ở mức cao, tức khả năng chống đỡ rủi ro được đánh giá tốt. Trường hợp hệ số an toàn vốn này thấp, khi kinh doanh thua lỗ, ngân hàng sẽ trở nên túng quẫn, phá sản và ảnh hưởng xấu đến toàn hệ thống, từ đó gây ra hệ lụy khôn lường cho cả nền kinh tế. Từ thực tế cách tính, hệ số an toàn vốn của ngân hàng được điều chỉnh tăng bằng cách tác động tăng vốn tự có, hạn chế mức tăng của tài sản có rủi ro hoặc điều chỉnh kết hợp cả hai yếu tố này. Phương án tăng vốn tự có cần phải được ngân hàng cân nhắc kỹ về số lượng vốn cần, để phù

hợp với các mục tiêu đã chọn, tính chất của việc sử dụng nguồn vốn mới, chính sách phân chia lợi nhuận... từ đó lựa chọn hình thức tăng vốn đem lại hiệu quả cao nhất. Cùng với đó, giải pháp giảm tổng tài sản có rủi ro được ngân hàng thực hiện thông qua các mặt như phân tích, sàng lọc chặt chẽ hơn những khoản vay của khách hàng nhằm hạn chế số lượng và quy mô của các khoản nợ kém chất lượng, giải quyết triệt để các khoản nợ xấu tồn đọng; tương tự, đối với các khoản đầu tư hay các nghiệp vụ ngoại bảng thì ngân hàng cũng cần cân trọng như đối với các khoản cho vay vừa nêu.

Thứ hai, cải thiện năng lực tài chính ngân hàng qua sáp nhập, hợp nhất. Xu hướng hợp nhất, sáp nhập ngân hàng đang diễn ra sôi nổi và theo chiều hướng rất tích cực trong bối cảnh hiện tại. Số lượng ngân hàng hoạt động yếu kém, không hiệu quả đã bị cắt giảm đáng kể và cũng từ đó, các ngân hàng tốt sẽ trụ vững và trở nên lớn mạnh hơn với khối lượng vốn tự có dồi dào, tiềm lực tài chính to lớn, có điều kiện mở rộng hoạt động và tăng cường tính cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu phát triển. Việc sáp nhập, hợp nhất ngân hàng cần phải được tiếp tục đẩy mạnh thực hiện trong tương lai, kéo giảm số lượng ngân hàng hiện hữu còn khoảng 15 ngân hàng, hướng hệ thống ngân hàng vào chất lượng ở một mức số lượng vừa phải.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro tín dụng và không được chủ quan trong việc hạn chế rủi ro hoạt động. Vấn đề về rủi ro tín dụng đã và đang được các NHTM Việt Nam quan tâm nhiều trên cơ sở hướng dẫn của NHNN. Tuy nhiên, có thể thấy hiện nay hệ thống ngân hàng đánh giá rủi ro tín dụng theo các chuẩn mực của Basel I với việc chỉ căn cứ vào tài sản, chưa căn cứ vào bản thân đối tượng khách hàng, điều này có thể dẫn đến tính thiếu chính xác. Một vấn đề nữa cần phải đề cập là hiện nay, việc phân loại nợ, trích lập và dự phòng rủi ro được

xác định chủ yếu dựa trên mức độ quá hạn của nợ. Rõ ràng hành động như thế chỉ giải quyết những thiệt hại đã phát sinh còn đối với các thiệt hại chưa được nhận biết và có nguy cơ nảy sinh thì chưa có quy định về việc dự báo và phòng ngừa. Chính vì thế, trong thời gian tới, cần phải khắc phục những khó khăn vừa nêu thông qua việc tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín nhiệm khách hàng, có kết hợp giữa chính ngân hàng và tổ chức xếp hạng chuyên biệt. Riêng phương pháp đánh giá nội bộ cơ bản và phương pháp đánh giá nội bộ nâng cao mà Basel III đưa ra, trong thời điểm hiện nay các NHTM Việt Nam chưa cần thiết áp dụng mà thay vào đó có thể tiếp cận tìm hiểu và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác cũng như chờ đợi sự chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn tài chính, ngân hàng nước ngoài khi đầu tư vào nhóm NHTM Việt Nam. Bên cạnh vấn đề rủi ro tín dụng, ngân hàng cần phải đặc biệt quan tâm đến rủi ro hoạt động từ việc không tuân thủ theo quy trình xử lý nội bộ nghiêm ngặt, do thao tác của con người, do hệ thống xử lý hay là những sự kiện khách quan bên ngoài. Hướng đi cho hệ thống ngân hàng là phải căn cứ vào điều kiện và trình độ phát triển hiện tại của Việt Nam, triển khai sao cho linh hoạt nhất các phương pháp đánh giá rủi ro hoạt động theo Basel III, trên nền tảng hỗ trợ tích cực từ phía NHNN.

Thứ tư, phát triển hệ thống công nghệ phục vụ xử lý dữ liệu, đẩy mạnh đào tạo cán bộ ngân hàng cập nhật kiến thức về Basel III. Các ngân hàng ngay từ bây giờ cần xây dựng hệ thống xử lý thông tin, giao dịch cho khách hàng đồng bộ với chất lượng thông tin/dữ liệu được đảm bảo tốt. Đây cũng là tiền đề để đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ ngân hàng đến khách hàng tiềm năng theo hướng hiện đại hơn, chuyên nghiệp hơn. Lộ trình tuân thủ theo Basel III tại Việt Nam cần rất nhiều yếu tố, trong đó yêu cầu phải sở hữu

(Xem tiếp trang 42)



GIA HẠN GIẢI NGÂN HẾT GÓI TÍN DỤNG 30 NGHÌN TỶ ĐỒNG

Thủ tướng Chính phủ vừa giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan theo thẩm quyền nghiên cứu, sửa đổi các quy định về thời hạn giải ngân gói tín dụng cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ theo hướng gia hạn tiếp tục thực hiện giải ngân hết số tiền tái cấp vốn 30.000 tỷ đồng đã được phê duyệt.

Đồng thời chủ động có các biện pháp hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tuyên truyền công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng vay vốn, nhất là đối với cá nhân, hộ gia đình vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở, xây dựng mới và cải tạo sửa chữa lại nhà ở.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo nhiệm vụ được giao quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15/4/2016 về việc cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Trung ương theo kế hoạch hàng năm thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức tín

dụng do Nhà nước chỉ định để triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở.

Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến 10/3/2016, các ngân hàng đã ký hợp đồng cam kết cho vay là 30.122 tỷ đồng đối với 46.246 khách hàng, đã giải ngân 21.321 tỷ đồng (đạt 71,07%).

Theo báo cáo của các ngân hàng thương mại, đến 10/3/2016, đa số các khoản hỗ trợ đối với khách hàng cá nhân là các khoản hỗ trợ mua nhà ở thương mại (chiếm 67,46% doanh số cho vay đối với khách hàng cá nhân để thuê hoặc sở hữu nhà ở, các khoản hỗ trợ nhà ở xã hội chỉ chiếm 32,54%).

Theo tính toán của Ngân hàng Nhà nước, đến 01/6/2016 (thời điểm kết thúc chương trình cho vay) thì tỷ lệ giải ngân dự kiến sẽ đạt từ 90-100% số tiền đã cam kết.

Chương trình tín dụng 30.000 tỷ cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP trong thời gian qua đã phát huy tác dụng, tạo điều kiện cho các cá nhân, hộ gia đình cải thiện về chỗ ở. Do đó, việc tiếp tục thực hiện giải ngân hết gói tín dụng 30.000 tỷ này là cần thiết. **SBV**

ỨNG DỤNG BASEL III ...

(Tiếp theo trang 31)

đội ngũ nhân lực tài năng, dày dặn kinh nghiệm thông qua quá trình tích cực học hỏi, trao đổi, được đào tạo lâu dài.

Việc thực thi các chuẩn mực Basel III ra sao trong tương lai còn phụ thuộc vào kết quả thí điểm Basel II tại Việt Nam đang được triển khai, tuy nhiên từ việc nhìn nhận lợi ích mà Basel III đem lại, cũng như đánh giá tình hình thực tại mà quan trọng trong đó là những khó khăn đang gặp phải, các NHTM và các cơ quan quản lý Nhà nước ngay từ bây giờ cần có động thái chuẩn bị, nghiên cứu thiết kế các sách lược hướng về tương lai. Chắc chắn việc làm này là không thừa, bởi vì chỉ có như vậy, hệ thống ngân hàng Việt Nam mới bước vào giai đoạn phát triển thực sự, trên nền tảng hệ thống quản lý rủi ro được xây dựng và vận hành với hiệu quả cao nhất. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Huỳnh Thế Du, Đỗ Thiên Anh Tuấn, 2013, Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam – Con đường gặp ghềnh, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.

2. Chí Kiên, 2016, Đẩy mạnh quản trị theo chuẩn mực quốc tế, Thời báo ngân hàng.

3. Các website: <http://www.basel-iii-agreement.com>, www.sbv.gov.vn.

HỘI THẢO...

(Tiếp theo trang 5)

OCW; 4/Phối hợp hành động: để bảo vệ lợi ích của các chủ nợ, cần chọn 1 hoặc nhiều ủy ban điều phối đại diện để thúc đẩy việc phối hợp giữa các chủ nợ; 5/ Chia sẻ thông tin: Con nợ phải cung cấp và cho phép các chủ nợ được tiếp cận các thông tin liên quan đến tài sản, nợ, hoạt động... của mình để các chủ nợ đánh giá được đúng mức và phù hợp tình hình tài chính con nợ nhằm có những đề xuất giữa các chủ nợ; 6/Các đề xuất phải tôn trọng địa vị pháp lý của các chủ nợ; 7/Bảo mật thông tin: các chủ nợ có nghĩa vụ phải bảo mật mọi thông tin trừ khi nó đã được công bố rộng rãi; 8/Nguồn tiền mới được ưu tiên trả trước: Nguồn tiền mới có thể từ việc bán các tài sản dư thừa hoặc do tài trợ vốn bổ sung (nếu cần).

Tái cấu trúc doanh nghiệp theo thỏa thuận ngoài tòa (OCW) được coi là thành công khi đạt được 2 mục đích: giảm thiểu khoản nợ và giữ các khoản vay trả được, còn sẽ bị xem là thất bại khi chỉ đạt được mục đích giảm thiểu tổn thất. Vì vậy, việc xác định thời điểm các bên cần hành động, thiện chí của chủ nợ, nỗ lực và sự trung thực của con nợ là những yếu tố vô cùng quan trọng, góp phần vào sự thành công của giải pháp OCW. ■ **T.H**